TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:100/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 19-12-2022
"V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Văn Điền

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Minh Sơn

+ Bà Mai Lương Anh

Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Ngọc Phú - Là thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 546/2022/TLST-HNGĐ ngày 3 tháng 10 năm 2022 về "*Xin ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/11/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Minh T, sinh năm 1983
Địa chỉ: 9B Trần Bình Trọng, phường H, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
Bị đơn: Ông Trương Thế B, sinh năm 1975
Địa chỉ: 22 đường 7, khu phố 5, Tam Phú, Tp T

(Bà Tcó mặt, ông B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 8 năm 2022 nộp tại Tòa án thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Vũ Thị Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị M kết hôn với ông Trương Thế B vào năm 2014, tại Ủy ban nhân dân phướng S, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân

tự nguyện có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp tính cách, công việc làm ăn, không thông cảm cho nhau nên vợ chồng thường xuyên cải vã, không có hạnh phúc, mặc dù hai vợ chồng cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn ông B.

Về con chung: Có 02 con tên Trương Thế Ng, sinh ngày 14/7/2014, Trương Thế D, sinh ngày 24/5/2019 hiện nay các con đang ở với mẹ. Theo nguyện vọng của cháu Ng là được ở với mẹ nên bà T đồng ý nuôi cháu Ng và mong muốn được nuôi luôn cháu D. Bà T yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000đồng/tháng/02 con cho đến khi các con trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: không có.

Theo đơn bản tự khai ngày 10/10/2022 của ông Trương Thế B trình bày:

Ông Bình kết hôn với bà Vũ Thị Minh T tại UBND phường 5 thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân do hai bên tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng được một thời gian ông B chuyển về nhà cha mẹ ruột của ông sinh sống, còn bà T thì vẫn ở thành phố Đà Lạt. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính cách quan điểm sống, kinh tế tiền bạc trong gia đình. Theo bản tự khai ông B có nguyện vọng được ly hôn

Về con chung: Có 02 con tên Trương Thế N, sinh ngày 14/7/2014, Trương Thế D, sinh ngày 24/5/2019 hiện nay các con đang ở với mẹ. Ly hôn theo nguyện vọng của con ở với ai là tùy. Ông B không cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông Trương Thế B đã được triệu tập theo quy định nhưng ông có đơn xin xin vắng mặt. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy; Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa hôm nay: Bà Vũ Thị Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn ông Trương Thế Bình và được nuôi hai con chung. Tại bản tự khai và trong quá trình hòa giải bà T yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là

10.000.000/đồng/tháng/02 con nhưng tại phiên tòa hôm nay bà T không yêu cầu ông Bình cấp dưỡng nuôi con chung mà để ông b tự thực hiện nghĩa vụ làm cha.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Vụ án thụ lý đúng trình tự theo luật quy định. Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán từ khi nhận đơn đến lúc đưa vụ án ra xét xử, xác định tư cách tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự cũng như chứng cứ của vụ án, việc hòa giải đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định. Đồng thời đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Giao hai chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Bà T không yêu cầu ông ông Bình cấp dưỡng nuôi con chung mà để ông B tự thực hiện nghĩa vụ làm cha. Nên ghi nhận ý kiến của bà T.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Bà T yêu cầu ly hôn ông B, nên xác định quan hệ tranh chấp"*Xin ly hôn*" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn có đơn xin chọ Tòa án Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng là nơi giải quyết vụ án.

Vì vậy; xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó: Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: bà T và ông B có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, hôn nhân tự nguyện, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính cách mỗi người khác nhau, tiền bạc, kinh tế gia đình.

Tại phiên hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay bà T không đồng ý đoàn tụ gia đình và xác định tình cảm không còn, hôn nhân không thể tiếp tục. Hơn nữa tại biên bản tự khai của ông B vào ngày 10/10/2022, ông Bình có nguyện vọng được ly hôn bà

T. Qua lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa cũng như các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ thể hiện việc mâu thuẫn của vợ chồng là thực tế có xảy ra.

Qua xác minh về việc mâu thuẫn của vợ chồng khu phố thì việc mâu thuẫn của vợ chồng không có đơn thư yêu cầu hòa giải nên không có cơ sở cung cấp cho tòa.

Do đó; áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thư .

[4] *Về con chung*: Có 02 con tên Tương Thế Ng, sinh ngày 14/7/2014, Trương Thế D, sinh ngày 24/5/2019 hiện nay các con đang ở với mẹ. Ly hôn theo nguyện vọng của cháu Ng là được ở với mẹ và bà Thư cũng mong muốn được nuôi cháu D nên giao cả hai cháu cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, Tại bản tự khai và trong quá trình hòa giải bà T yêu cầu ông Bình cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là 10.000.000/đồng/tháng/02 con nhưng tại phiên tòa hôm nay bà Thư không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung mà để ông bình tự thực hiện nghĩa vụ làm cha. Nên ghi nhận ý kiến của bà T.

[5] *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Không có.

[7] *Về án phí:* Bà Thư chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 51,56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị Minh T. Cho bà Vũ Thị Minh T và ông Trương Thế B được ly hôn.

2. *Về con chung*:

Giao hai 02 con tên Trương Thế Ng, sinh ngày 14/7/2014, Trương Thế D, sinh ngày 24/5/2019 cho bà Vũ Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành

niên. Bà T không yêu cầu ông Bình cấp dưỡng nuôi con chung mà để ông B tự thực hiện nghĩa vụ làm cha.

Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. *Về án phí*: bà Vũ Thị Minh T phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000đồng bà T đã tạm nộp theo biên lai thu số: 0002156 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).

Quyền kháng cáo:

Bà Vũ Thị Minh T có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng ông Trương Thế B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc (niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lâm Đồng*;
- *VKSND TP Đà Lạt*;
- *Chi cục THA Đà Lạt;*
- *UBND, phường 0H, Đà Lạt.*
- *Đương sự;*
- *Lưu;*

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Điền